

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm

Ông Đàm Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trường N**, sinh ngày 12/09/1985. (vắng mặt)

Căn cước số 094085018823

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Lê Hồng T**, sinh ngày 15/01/1986. (vắng mặt)

Căn cước công dân số 094186003110

Địa chỉ: Khu V, phường M, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại: 0941 899 060.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Trường N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Hồng T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường M, thành phố

Cần Thơ) vào ngày 14/4/2010, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi lập gia đình, bà T về sống bên ông tại khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ, cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm và không cùng chí hướng nên ông không thể duy trì đời sống chung với bà T. Năm 2017 ông và bà T ly thân, ông sống tại M, còn bà T về sống tại nhà mẹ ruột tên Tăng Thị Đ ở ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Nay ông N yêu cầu được ly hôn với bà Lê Hồng T.

Về con chung: Ông và bà Lê Hồng T có một đứa con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011, cháu H hiện nay đang sống với bà T, ông đồng ý giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011 cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Ông N không yêu cầu xem xét.

Ông N xin được xét xử vắng mặt vì bận công việc cá nhân.

2/ Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 22/7/2026 bị đơn bà Lê Hồng T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trường N được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống bà và ông N có được với nhau một người con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011. Bà và ông N có bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình. Bà và ông N đã ly thân với nhau khoảng 4-5 năm nay. Ông N yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý ly hôn với ông N. Về con chung cháu Nguyễn Gia H đang sống chung với bà, hiện nay đã học hết lớp 9 chuẩn bị lên lớp 10. Bà yêu cầu được nuôi cháu H và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra bà xin được xét xử vắng mặt vì bà bận đi làm ăn xa không về tham dự phiên tòa được.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trường N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường N, giải quyết các mối quan hệ như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường N và bà Lê Hồng T thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011 cho bà Lê Hồng T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Nguyễn Trường N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà Lê Hồng T, buộc ông Nguyễn Trường N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011 đến đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu cấp dưỡng ngày 22/7/2026, cấp dưỡng hàng tháng, một tháng cấp dưỡng số tiền 2.070.000 đồng.

+ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Ông N và bà T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Trường N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Lê Hồng T cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ, ngoài ra không yêu cầu giải quyết gì thêm. Nên Tòa án xác định loại kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Trường N và bị đơn bà Lê Hồng T đều vắng mặt nhưng đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường N và bà Lê Hồng T là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, vào ngày 14/4/2010 ông N và bà T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông N và bà T, theo ông N cho rằng khoảng năm 2016 giữa ông N và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm và không cùng chí hướng nên ông N không thể duy trì đời sống chung với bà T. Năm 2017 ông N và bà T ly thân đến nay. Nên ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Lê Hồng T. Bà T cũng cho rằng giữa bà T và ông N bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, bà T và ông N đã ly thân với nhau khoảng 4-5 năm nay, nay ông N yêu cầu ly hôn với bà T thì bà T cũng thống nhất ly hôn với ông N. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.

Trong cuộc sống vợ chồng giữa ông N và bà T đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, ông N và bà T đã ly thân với nhau không còn liên lạc với nhau, ông N và bà T thống nhất ly hôn với nhau, mâu thuẫn giữa ông N và bà T là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử ghi nhận ông Nguyễn Trường N và bà Lê Hồng T thuận tình ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Trường N và bà Lê Hồng T có một con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011 đang sống chung với bà T, ông N đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được nuôi cháu H. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: ***“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”***. Giữa ông N và bà T thống nhất thỏa thuận giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng. Nhận thấy, từ sau khi ly thân với nhau, bà T là người trực tiếp nuôi cháu H nên việc thỏa thuận giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm ổn định môi trường sống của cháu H, đảm bảo quyền lợi của cháu H, ổn định tâm lý của cháu H nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông N theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông N có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Như nhận định tại mục [4] Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011 cho bà Lê Hồng T nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Việc bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về mức cấp dưỡng: bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu H theo quy định pháp luật. Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định ***“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”***. Do bà T và ông N không thể thỏa thuận mức cấp dưỡng cho cháu H nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình quy định ***“.....Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”***. Mức lương tối thiểu vùng được áp dụng tại xã T, thành phố Cần Thơ theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định là 4.130.000 đồng/tháng, nên mức cấp dưỡng cho cháu H được áp dụng là 2.070.000 đồng. Từ đó chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng của bà T, buộc ông N cấp dưỡng cho cháu H hàng tháng, một tháng cấp dưỡng số tiền 2.070.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày

tuyên án sơ thẩm 22/7/2026 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình

[7.1] Ông Nguyễn Trường N phải chịu án phí hôn nhân gia đình 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng cộng ông Nguyễn Trường N phải chịu 450.000 đồng án phí nhưng ông Nguyễn Văn N1 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010003 ngày 20/05/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[7.2] Bà Lê Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân gia đình.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trường N và bà Lê Hồng T thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011 cho bà Lê Hồng T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Nguyễn

Trường N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Trường N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2011 đến đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, một tháng cấp dưỡng số tiền 2.070.000 đồng (Hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 22/7/2026. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Các bên tự thỏa thuận hoặc tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Cần Thơ hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trường N phải chịu án phí tổng cộng là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Trường N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010003 ngày 20/05/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bà Lê Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm chục nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Quới, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đặng Thị Vàng